

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**

Số: 02/NQ-ĐHĐCĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua nội dung thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 số 02/BB-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc thay đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau :

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Khai thác và thu gom than cứng	0510	
2.	Khai thác và thu gom than non	0520	
3.	Khai thác dầu thô	0610	
4.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620	
5.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729	
6.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ vàng)	0730	
7.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810	
8.	Khai thác và thu gom than bùn	0892	
9.	Khai thác muối	0893	
10.	Xây dựng nhà ở	4101	

11.	Xây dựng nhà không để ở	4102	
12.	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
13.	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
14.	Xây dựng công trình điện (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4221	
15.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
16.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
17.	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
18.	Xây dựng công trình thủy (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4291	
19.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
20.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
21.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn)	4312	
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322	
24.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	
25.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
26.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390	
27.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ đấu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4620	
28.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ ((trừ đấu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4631	
29.	Bán buôn thực phẩm (trừ đấu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4632	
30.	Bán buôn đồ uống (trừ đấu giá)	4633	
31.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (trừ đấu giá)	4641	

32.	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng; thảm, đệm và thiết bị chiếu sáng (trừ đầu giá)	4642	
33.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ thuốc , đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4649	
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4652	
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4659	
36.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4661	
37.	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4662	
38.	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4663	
39.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu, trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4672	
40.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ đầu giá)	4673	
41.	Bán buôn tổng hợp (trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4690	
42.	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4711	
43.	Bán lẻ lương thực (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4721	
44.	Bán lẻ thực phẩm (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4722	

45.	Bán lẻ đồ uống	4723	
46.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ	4730	
47.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (trừ nội dung kinh doanh liên quan trò chơi điện tử và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4740	
48.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	4751	
49.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752	
50.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753	
51.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4759	
52.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4761	
53.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4762	
54.	Bán lẻ sản phẩm văn hóa, giải trí khác chưa phân vào đâu (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4769	
55.	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da	4771	
56.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt Điều 5 nghị định Số: 158/2024/NĐ-CP /NĐ-CP	4922	
57.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Điều 6 nghị định Số: 158/2024/NĐ-CP /NĐ-CP	4931	

58.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021	
59.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	
60.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225	
62.	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510	
63.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520	
64.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ lưu trú	5530	
65.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621	
66.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630	
67.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ ăn uống	5640	
68.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721	
69.	Đại lý lữ hành(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	7911	
70.	Điều hành tua du lịch(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	7912	
71.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110	
72.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121	
73.	Dịch vụ vệ sinh khác	8129	
74.	Dịch vụ cảnh quan	8130	
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh xuất, nhập khẩu hàng hóa(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	8299	
76.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551	
77.	Giáo dục văn hóa nghệ thuật	8552	
78.	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật thị giác	9012	
79.	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật khác	9019	
80.	Hoạt động biểu diễn nghệ thuật	9020	
81.	Hoạt động của cơ sở và địa điểm nghệ thuật	9031	
82.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311	
83.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312	
84.	Hoạt động thể thao khác	9319	

85.	Hoạt động hỗ trợ khác cho sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật	9039	
86.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321	
87.	Hoạt động vui chơi giải trí khác	9329	
88.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319	
89.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4679	
90.	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Điều 61 Luật Kinh doanh bất động sản 2023	6821	
91.	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản Điều 67 Luật Kinh doanh bất động sản 2023	6829	

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, cung cấp phụ tùng thay thế máy móc, thiết bị phục vụ ngành công, nông nghiệp, giao thông, vận tải, khai thác mỏ, cơ khí, thủy lợi, thủy điện, tự động hóa;	3319	
2.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh thiết bị dân dụng, công nghiệp, y tế, nguyên liệu, than, chất đốt; - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm gốm, sứ, vật liệu xây dựng, sắt, thép; - Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại hàng hóa, thiết bị vật tư, vật liệu xây dựng, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, nông, lâm sản, thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát có cồn và gas;	4669	

3.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820	
	Chi tiết: Quản lý bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Tư vấn bất động sản; Định giá bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)		

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Khai thác quặng sắt	0710	
2.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
3.	Phá dỡ	4311	
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	
5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	
6.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619	
7.	Cho thuê xe có động cơ	7710	

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ủy quyền cho HĐQT và Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đúng theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**

Số: 03/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua các nội dung tại
Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 số 02/BB-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung chi tiết sau :

- Thông qua việc điều chỉnh mức đầu tư và thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài.
- Thông qua việc nghiên cứu thực hiện các dự án mới.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện đúng theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, đồng ý cho HĐQT tách rời từng quyết định trên đây thành những văn bản riêng để sử dụng trong thủ tục hồ sơ liên quan.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phạm Hùng

Số: 02/BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG LẦN 1 NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG

I. CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 14/8/2025.
2. Địa chỉ: 164 Lò Đúc, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

1. Thời gian bắt đầu: 9h00' ngày 14/08/2026
2. Địa điểm: Tầng 5- 164 Lò Đúc, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI:

1. Ông Phạm Hùng - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội
2. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát
3. Và 25 cổ đông sở hữu (hoặc ủy quyền đại diện sở hữu) có quyền biểu quyết.

IV. BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG:

1. Bà Trần Thị Hải Yến - Trưởng ban
2. Ông Đặng Trường Giang - Ủy viên
3. Ông Tạ Đức Dũng - Ủy viên

V. BÁO CÁO XÁC NHẬN TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG, ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã báo cáo danh sách cổ đông (và người được cổ đông ủy quyền hợp lệ) tham dự Đại hội có quyền biểu quyết như sau:

TT	Nội dung	Số lượng	Đơn vị
1.	Tổng số cổ đông sở hữu (hoặc ủy quyền đại diện sở hữu) dự họp	25	Cổ đông
2.	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	17.572.000	Cổ phần
3.	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	11.530.329	Cổ phần
4.	Tỷ lệ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	66	%

Căn cứ Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định về điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ thì Đại hội đủ điều kiện tiến hành.



VI. BAN KIỂM PHIẾU:

1. Ông Phạm Minh Cường - Trưởng ban
2. Ông Đỗ Ngọc Anh Duy - Ủy viên
3. Ông Tạ Văn Cường - Ủy viên

VII. NỘI DUNG THÔNG NHẤT:

1. Thông qua việc điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty

Số phiếu tán thành đại diện cho 11.530.329 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

2. Thông qua việc điều chỉnh mức đầu tư và thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài

Số phiếu tán thành đại diện cho 11.530.329 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

3. Thông qua việc nghiên cứu thực hiện các dự án mới

Số phiếu tán thành đại diện cho 11.530.329 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Thông nhất ban hành Nghị quyết theo từng nội dung được thông qua để thuận lợi cho công việc.

VIII. PHẦN KẾT THÚC:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng kết thúc lúc 10h00' cùng ngày. Biên bản họp được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng năm 2026 thông qua toàn văn tại cuộc họp.

Kèm theo Biên bản này các Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ Hồ sơ tài liệu Đại hội.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Lê Thị Thảo

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 210/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung điều chỉnh, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định hiện hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Khai thác và thu gom than cứng	0510	
2.	Khai thác và thu gom than non	0520	
3.	Khai thác dầu thô	0610	
4.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620	
5.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729	
6.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ vàng)	0730	
7.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810	
8.	Khai thác và thu gom than bùn	0892	
9.	Khai thác muối	0893	
10.	Xây dựng nhà để ở	4101	
11.	Xây dựng nhà không để ở	4102	
12.	Xây dựng công trình đường sắt	4211	

13.	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
14.	Xây dựng công trình điện (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4221	
15.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
16.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
17.	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
18.	Xây dựng công trình thủy (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4291	
19.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
20.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
21.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn)	4312	
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322	
24.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	
25.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
26.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390	
27.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ đấu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4620	
28.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ (trừ đấu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4631	
29.	Bán buôn thực phẩm (trừ đấu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4632	

30.	Bán buôn đồ uống (trừ đầu giá)	4633	
31.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (trừ đầu giá)	4641	
32.	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng; thảm, đệm và thiết bị chiếu sáng (trừ đầu giá)	4642	
33.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ thuốc , đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4649	
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4652	
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4659	
36.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4661	
37.	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4662	
38.	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4663	
39.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu, trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4672	
40.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ đầu giá)	4673	
41.	Bán buôn tổng hợp (trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4690	
42.	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4711	

43.	Bán lẻ lương thực (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4721	
44.	Bán lẻ thực phẩm (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4722	
45.	Bán lẻ đồ uống	4723	
46.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ	4730	
47.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (trừ nội dung kinh doanh liên quan trò chơi điện tử và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4740	
48.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	4751	
49.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752	
50.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753	
51.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4759	
52.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4761	
53.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4762	
54.	Bán lẻ sản phẩm văn hóa, giải trí khác chưa phân vào đâu (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành	4769	

	ngành chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)		
55.	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da	4771	
56.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt Điều 5 nghị định Số: 158/2024/NĐ-CP /NĐ-CP	4922	
57.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Điều 6 nghị định Số: 158/2024/NĐ-CP /NĐ-CP	4931	
58.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021	
59.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	
60.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225	
62.	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510	
63.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520	
64.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ lưu trú	5530	
65.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621	
66.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630	
67.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ ăn uống	5640	
68.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721	
69.	Đại lý lữ hành(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	7911	
70.	Điều hành tua du lịch(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	7912	
71.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110	
72.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121	
73.	Dịch vụ vệ sinh khác	8129	

74.	Dịch vụ cảnh quan	8130	
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh xuất, nhập khẩu hàng hóa(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	8299	
76.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551	
77.	Giáo dục văn hóa nghệ thuật	8552	
78.	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật thị giác	9012	
79.	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật khác	9019	
80.	Hoạt động biểu diễn nghệ thuật	9020	
81.	Hoạt động của cơ sở và địa điểm nghệ thuật	9031	
82.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311	
83.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312	
84.	Hoạt động thể thao khác	9319	
85.	Hoạt động hỗ trợ khác cho sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật	9039	
86.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321	
87.	Hoạt động vui chơi giải trí khác	9329	
88.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319	
89.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4679	
90.	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Điều 61 Luật Kinh doanh bất động sản 2023	6821	
91.	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản Điều 67 Luật Kinh doanh bất động sản 2023	6829	

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, cung cấp phụ tùng thay thế máy móc, thiết bị phục vụ ngành công, nông nghiệp, giao thông, vận tải, khai thác mỏ, cơ khí, thủy lợi, thủy điện, tự động hóa;	3319	
2.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh thiết bị dân dụng, công nghiệp, y tế, nguyên liệu, than, chất đốt; - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm gốm, sứ, vật liệu xây dựng, sắt, thép; - Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại hàng hóa, thiết bị vật tư, vật liệu xây dựng, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, nông, lâm sản, thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát có cồn và gas;	4669	
3.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Quản lý bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Tư vấn bất động sản; Định giá bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6820	

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Khai thác quặng sắt	0710	
2.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	

3.	Phá dỡ	4311	
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	
5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	
6.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619	
7.	Cho thuê xe có động cơ	7710	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: TCHC/CT.

 TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH


Phạm Hùng

C.P. 10.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 211/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Điều chỉnh mức đầu tư và thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương nghiên cứu, thực hiện các dự án đầu tư ra nước ngoài. Ủy quyền cho HĐQT chủ động nghiên cứu đề xuất phương án đầu tư tại Australia (Úc), dự kiến mức đầu tư không quá 400 tỷ đồng và thực hiện các thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCHC/CT.

TM, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 212/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Nghiên cứu thực hiện các dự án mới

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương nghiên cứu, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, cải tạo chung cư cũ và các dự án nhà ở, thương mại dịch vụ khác phù hợp với lĩnh vực đầu tư của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCHC/CT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hùng